

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 6 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

2. Bà Ngô Thị Mai Du.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 06 năm 2021, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 04 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2021/QĐST-DS ngày 17/05/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kim T, sinh năm: 1980.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh L, sinh năm: 1977.

Cùng địa chỉ thường trú: thôn A, xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01/11/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim T, trình bày:

Chị và anh Trần Thanh L quen biết, tìm hiểu, yêu thương được một thời gian thì tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 21 tháng 09 năm 2005.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại nhà chồng ở thôn X, xã H, huyện TN. Khi chị T sinh con đầu lòng thì hai vợ chồng về phía nhà vợ ở thôn A, xã N, huyện TN ở cho đến nay. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hiện hai vợ chồng chị T đã sống ly thân từ tháng 06/2019 đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh L không chăm lo cho gia đình, không chăm sóc vợ con, sống không có trách nhiệm với con cái, có quan hệ bên ngoài với người phụ nữ khác. Chị T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh L không thay đổi. Xét thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Thanh L.

Về con chung: chị T trình bày chị và anh L có 02 con chung tên là Trần Huỳnh Quỳnh Nh, sinh ngày: 10/06/2006 và Trần Trung K, sinh ngày: 28/10/2016. Hiện nay cháu Nh và cháu K đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con; chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu Trần Trung K một tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trình bày, ý kiến của anh Trần Thanh L:* Bị đơn anh Trần Thanh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh Lam không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại biên bản xác minh ngày 26/12/2020 về nguyên nhân mâu thuẫn, điều kiện sống của chị T và anh L:* Hội phụ nữ xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi cho biết Hội phụ nữ xã không nắm bắt được nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh L vì không nghe chị T hay anh L không có đơn thư phản ánh đến Hội phụ nữ xã cũng như Chi hội phụ nữ thôn A báo về trường hợp này.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không trình bày ý kiến, bị đơn vắng mặt tất cả các lần theo giấy triệu tập của Tòa nhưng không có lý do. Vì vậy, bị đơn đã không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim T. Đối với 02 con chung tên Trần Huỳnh Quỳnh Nh, sinh ngày: 10/06/2006 và Trần Trung K, sinh ngày: 28/10/2016, hiện nay các cháu đang sống chung với chị T, đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu Nh và cháu K cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi là có cơ sở đề nghị HĐXX chấp nhận. Về tài sản chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung chị Tn trình bày không có nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Đề nghị buộc anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Trần Thanh L hiện tại có chỗ ở tại huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[1.2] Về xét xử vắng mặt bị đơn: Anh Trần Thanh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án số: 27/2020/ TLST-HNGĐ, ngày 05/11/2020; Thông báo thu thập được tài liệu, chứng cứ 55/TB-TA ngày 17/03/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 56 /TB-TA ngày 17/03/2021; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 61 /TB-TA ngày 22/03/2021; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ số: 72/TB-TA ngày 09/04/2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 04 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2021/QĐST-DS ngày 17/05/2021, nhưng anh L không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa, chỉ T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Thanh L và chị Huỳnh Thị Kim T là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim T và anh Trần Thanh L tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh L có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không quan tâm chăm sóc

lẫn nhau, phần ai nấy sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh L làm việc và tiến hành hòa giải nhằm mục đích động viên chị T và anh L đoàn tụ, nhưng anh L không gửi văn bản trình bày ý kiến và không đến tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh L không quan tâm đến sự hàn gắn trong quan hệ vợ chồng, phù hợp với lời trình bày của chị T là quan hệ tình cảm vợ chồng đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim T, cho chị Huỳnh Thị Kim T được ly hôn với anh Trần Thanh L là phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung, tên là Trần Huỳnh Quỳnh Nh, sinh ngày: 10/06/2006 và Trần Trung K, sinh ngày: 28/10/2016.

Hội đồng xét xử xét thấy, các cháu Nh và cháu K hiện đang được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh và cháu K, còn anh L không có lời khai nên không xác định được ý kiến của anh L có yêu cầu được nhận nuôi dưỡng các con hay không. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu Nh và cháu K, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Kim T, giao các cháu Nh và cháu K cho chị Huỳnh Thị Kim T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi là có cơ sở và căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của chị Huỳnh Thị Kim T.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh L vắng mặt nên không có ý kiến.

Về nợ chung: Chị T trình bày không có, anh La vắng mặt nên không có ý kiến.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, chị Huỳnh Thị Kim T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí về cấp dưỡng: Anh L phải chịu là 300.000 đồng, theo điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim T, chị Huỳnh Thị Kim T được ly hôn với anh Trần Thanh L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là Trần Huỳnh Quỳnh Nh, sinh ngày: 10/06/2006 và Trần Trung K, sinh ngày: 28/10/2016 hiện đang sống chung với chị T cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Thanh L có nghĩa vụ phải cấp dưỡng cháu K mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Khi có lý do chính đáng, chị T và anh L có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu K, chị T có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh L có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Kim T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0005625 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi. Chị Tuyến đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí cấp dưỡng: Anh Trần Thanh L phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Kim T và anh Trần Thanh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- UBND xã H, huyện TN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa